

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 3 năm 2015



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>496,683,637,995</b>	<b>562,951,175,478</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	4	<b>159,948,092,606</b>	<b>250,312,116,290</b>
111	1. Tiền		159,948,092,606	180,312,116,290
112	2. Các khoản tương đương tiền			70,000,000,000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	5	<b>75,401,981,501</b>	<b>76,421,645,352</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		76,706,514,090	76,706,172,840
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1,304,532,589)	(284,527,488)
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>258,011,325,119</b>	<b>233,991,623,387</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		616,661,006	7,190,676,000
132	2. Trả trước cho người bán		597,850,800	272,620,800
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	1,447,737,184	1,461,277,190
138	5. Các khoản phải thu khác	7	272,837,162,726	242,555,135,994
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(17,488,086,597)	(17,488,086,597)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3,322,238,769</b>	<b>2,225,790,449</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	2,016,687,769	1,580,800,149
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	1,305,551,000	644,990,300
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>174,990,856,732</b>	<b>175,302,453,872</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>144,331,120,446</b>	<b>146,233,152,540</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	13,694,082,643	13,205,484,065
222	- Nguyên giá		26,679,813,276	26,159,122,219
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12,985,730,633)	(12,953,638,154)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	130,637,037,803	133,027,668,475
228	- Nguyên giá		151,107,694,185	151,107,694,185
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(20,470,656,382)	(18,080,025,710)
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	12	<b>20,000,000,000</b>	<b>20,000,000,000</b>
258	4. Đầu tư dài hạn khác		20,000,000,000	20,000,000,000
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>10,659,736,286</b>	<b>9,069,301,332</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	31,317,562
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	13	9,963,333,870	8,339,000,354
268	4. Tài sản dài hạn khác		696,402,416	698,983,416
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>671,674,494,727</b>	<b>738,253,629,350</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>266,016,558,822</b>	<b>342,193,576,492</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>266,016,558,822</b>	<b>342,193,576,492</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	59,983,397,157	155,665,168,392
312	2. Phải trả người bán		409,618,050	803,812,765
313	3. Người mua trả tiền trước		757,199,742	479,105,110
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2,662,781,421	3,551,667,582
315	5. Phải trả người lao động		275,272,450	3,268,616,271
316	6. Chi phí phải trả	16	6,115,104	1,099,799,279
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	201,364,130,540	176,333,842,922
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	551,378,208	984,801,701
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		6,666,150	6,762,470
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>405,657,935,905</b>	<b>396,060,052,858</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>405,657,935,905</b>	<b>396,060,052,858</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397,000,000,000	397,000,000,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		397,000,000,000	
418	8 Quỹ đầu tư phát triển		5,973,357,884	5,973,357,884
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2,684,578,021	(6,913,305,026)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>671,674,494,727</b>	<b>738,253,629,350</b>

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*



Quách Thị Xuân Thu  
Người lập

Phạm Thị Vân  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải *[Signature]*  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2015

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 3 năm 2015

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm nay		Đơn vị tính: VND Năm trước	
			Quý 3	Lũy kế từ đầu năm	Quý 3	Lũy kế từ đầu năm
1	2	3	4	5	6	7
1	Doanh thu	01	18,745,105,530	60,621,803,001	27,871,079,301	64,880,270,554
	<i>Trong đó:</i>					
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	5,932,610,369	18,976,515,972	7,587,265,332	24,842,648,070
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	382,265,123	1,243,081,511	1,405,581,802	4,302,452,600
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4	203,053,141	7,050,914,648	10,620,008,890	10,620,008,890
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	1,333,636,364	2,792,130,606	49,698,526	618,153,072
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	335,171,114	1,043,556,368	267,595,149	854,202,916
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8	-	-	76,818,182	214,545,454
	Doanh thu khác	01.9	10,558,369,419	29,515,603,896	7,864,111,420	23,428,259,552
2	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>18,745,105,530</b>	<b>60,621,803,001</b>	<b>27,871,079,301</b>	<b>64,880,270,554</b>
3	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>7,559,000,858</b>	<b>26,227,680,106</b>	<b>12,167,000,993</b>	<b>25,050,702,963</b>
4	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>	<b>11,186,104,672</b>	<b>34,394,122,895</b>	<b>15,704,078,308</b>	<b>39,829,567,591</b>
5	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>8,069,430,294</b>	<b>23,288,616,639</b>	<b>10,389,432,159</b>	<b>25,139,769,215</b>
6	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>	<b>3,116,674,378</b>	<b>11,105,506,256</b>	<b>5,314,646,149</b>	<b>14,689,798,376</b>
7	<b>Thu nhập khác</b>	<b>31</b>	<b>150,776,287</b>	<b>763,718,387</b>	<b>2,232,681</b>	<b>48,665,474</b>
8	<b>Chi phí khác</b>	<b>32</b>	<b>223</b>	<b>62,758</b>	<b>125,000,000</b>	<b>132,638,144</b>
9	<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>150,776,064</b>	<b>763,655,629</b>	<b>-122,767,319</b>	<b>-83,972,670</b>
10	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>3,267,450,442</b>	<b>11,869,161,885</b>	<b>5,191,878,830</b>	<b>14,605,825,706</b>
11	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>644,682,736</b>	<b>2,271,278,838</b>	<b>1,038,375,766</b>	<b>2,665,311,536</b>
12	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>	<b>2,622,767,706</b>	<b>9,597,883,047</b>	<b>4,153,503,064</b>	<b>11,940,514,170</b>
13	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>66.06</b>	<b>241.76</b>	<b>104.62</b>	<b>300.77</b>

Người Lập Biểu

Quách Thị Xuân Thu

Kế Toán Trưởng

Phạm Thị Vân

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2015

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thanh Hải

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý 3.2015	Quý 3.2014
		VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	3,267,450,442	5,191,878,830
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	Khấu hao tài sản cố định	1,173,865,790	1,198,209,984
03	Các khoản dự phòng	201,405,371	3,427,667,381
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(10,729,262,860)	(8,169,814,556)
06	Chi phí lãi vay	1,133,109,737	1,051,786,301
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(4,953,431,520)	2,699,727,940
09	Tăng, giảm các khoản phải thu	34,239,440,933	(128,370,805,585)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại	5,982,666,499	(1,146,392,037)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(13,257,189,346)	(11,683,873,134)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước	(368,611,243)	363,132,716
13	Tiền lãi vay đã trả	(1,133,109,737)	(1,051,786,301)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1,029,228,126)	(521,624,868)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	-	2,000,000
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	19,480,537,460	(139,709,621,269)
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(922,139,057)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	10,729,262,860	8,169,814,556
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	9,807,123,803	8,169,814,556
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	1,366,534,931,385	1,823,799,613,271
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(1,406,548,334,856)	(1,768,878,725,021)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(40,013,403,471)	54,920,888,250
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(10,725,742,208)	(76,618,918,463)



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2015

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình ("Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/9/2006; Giấy phép thành lập và hoạt động số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/09/2006, Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 365/UBCK-GP ngày 02/11/2010 và Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 178/UBCK-GP ngày 10/12/2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp

Trụ sở của Công ty tại: 101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 397.000.000.000 đồng, tương đương 39.700.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty tại ngày 30/9/2015 là 92 người (Tại ngày 30/6/2015 là 97 người)

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty tại Thành Phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Huế
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hải Phòng
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Thái Bình
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Bắc Ninh
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Vũng Tàu
- Phòng Giao dịch tại Mỹ Đình

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tư vấn tài chính
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng báo cáo tài chính kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/9/2015.

#### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Quý 3 năm 2015

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/09/2015, Bộ Tài chính vẫn chưa ban hành văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán thay thế nên Công ty vẫn trình bày báo cáo tài chính kỳ này theo mẫu báo cáo quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với công ty chứng khoán..

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Nhật ký chung trên máy vi tính.

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, do đó Công ty không trích khấu hao.

**Chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 03 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng, trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng; đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả cho người mua trong kỳ báo cáo do chưa có hóa đơn hoặc do chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo để đảm bảo không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

**Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ báo cáo này và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ báo cáo.

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG QUÝ 3 NĂM 2015**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong Quý 3	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong Quý 3 VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>	<b>2,687,783</b>	<b>68,702,511,699</b>
- Cổ phiếu	2,687,783	68,702,511,699
- Trái phiếu		
<b>Của người đầu tư</b>	<b>276,458,000</b>	<b>3,393,858,000,000</b>
- Cổ phiếu	276,458,000	3,393,858,000,000
- Chứng chỉ quỹ		
	<b>279,145,783</b>	<b>3,462,560,511,699</b>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền gửi ngân hàng	5,823,338,137	16,761,309,733

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2015

Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư		154,124,754,469	163,550,806,557	
Các khoản tương đương tiền		-	70,000,000,000	
		<b>159,948,092,606</b>	<b>250,312,116,290</b>	
<b>5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN</b>				
		30/09/2015	01/01/2015	
		VND	VND	
Chứng khoán niêm yết		12,745,676,202	19,838,717,452	
Chứng khoán chưa niêm yết		44,052,637,888	36,959,255,388	
Trái phiếu		19,908,200,000	19,908,200,000	
Dự phòng giảm giá chứng khoán		(1,304,532,589)	(284,527,488)	
		<b>75,401,981,501</b>	<b>76,421,645,352</b>	
<b>6 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN</b>				
		30/09/2015	01/01/2015	
		VND	VND	
Phí giao dịch phải thu của Nhà đầu tư		57,454,517	70,994,523	
Phải thu thành viên khác		1,390,282,667	1,390,282,667	
		<b>1,447,737,184</b>	<b>1,461,277,190</b>	
<b>7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC</b>				
		30/09/2015	01/01/2015	
		VND	VND	
Phải thu của NĐT theo hợp đồng ký quỹ		222,101,657,181	195,853,962,976	
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho NĐT		40,688,388,644	42,019,981,970	
Các khoản phải thu khác		10,047,116,901	4,681,191,048	
		<b>272,837,162,726</b>	<b>242,555,135,994</b>	
<b>8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN</b>				
		30/09/2015	01/01/2015	
		VND	VND	
Chi phí trả trước về thuê văn phòng		904,623,297	761,886,745	
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ		49,912,284	113,754,247	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác		1,062,152,188	705,159,157	
		<b>2,016,687,769</b>	<b>1,580,800,149</b>	
<b>9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>				
		30/09/2015	01/01/2015	
		VND	VND	
Tạm ứng		1,305,551,000	644,990,300	
		<b>1,305,551,000</b>	<b>644,990,300</b>	
<b>10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH</b>				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2015	9,700,202,321	13,416,758,898	3,042,161,000	26,159,122,219
Mua sắm	-	922,139,057	1,052,980,000	1,975,119,057
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1,454,428,000	1,454,428,000
Giảm khác	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2015

<b>Tại ngày 30/09/2015</b>	<b>9,700,202,321</b>	<b>14,338,897,955</b>	<b>2,640,713,000</b>	<b>26,679,813,276</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2015	504,063,930	10,274,814,501	2,174,759,723	12,953,638,154
Trích khấu hao	172,395,055	744,861,932	208,927,632	1,126,184,619
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1,094,092,140	1,094,092,140
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/09/2015</b>	<b>676,458,985</b>	<b>11,019,676,433</b>	<b>1,289,595,215</b>	<b>12,985,730,633</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2015	9,196,138,391	3,141,944,397	867,401,277	13,205,484,065
<b>Tại ngày 30/09/2015</b>	<b>9,023,743,336</b>	<b>3,319,221,522</b>	<b>1,351,117,785</b>	<b>13,694,082,643</b>

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2015	125,000,000,000	26,107,694,185	151,107,694,185
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 30/09/2015</b>	<b>125,000,000,000</b>	<b>26,107,694,185</b>	<b>151,107,694,185</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2015	-	18,080,025,710	18,080,025,710
Trích khấu hao	-	2,390,630,672	2,390,630,672
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 30/09/2015</b>	<b>-</b>	<b>20,470,656,382</b>	<b>20,470,656,382</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2015	125,000,000,000	8,027,668,475	133,027,668,475
<b>Tại ngày 30/09/2015</b>	<b>125,000,000,000</b>	<b>5,637,037,803</b>	<b>130,637,037,803</b>

**12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/09/2015 VND	01/01/2015 VND
Đầu tư dài hạn khác	20,000,000,000	20,000,000,000
	<b>20,000,000,000</b>	<b>20,000,000,000</b>

Tại ngày 30/09/2015, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình đang nắm giữ 2.000.000 cổ phần của Công ty Tài chính cổ phần Điện lực, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

**13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	30/09/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	6,881,922,825	5,736,318,899
Tiền lãi phân bổ trong năm	2,961,411,045	2,482,681,455
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9,963,333,870</b>	<b>8,339,000,354</b>

**14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	01/01/2015 VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	30/09/2015 VND
Vay ngắn hạn	155,665,168,392	4,287,058,516,285	(4,382,740,287,520)	59,983,397,157
Vay ngân hàng	155,665,168,392	4,287,058,516,285	(4,382,740,287,520)	59,983,397,157
	<b>155,665,168,392</b>	<b>4,287,058,516,285</b>	<b>(4,382,740,287,520)</b>	<b>59,983,397,157</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2015

<b>Chi tiết các khoản vay ngắn hạn</b>	<u>30/09/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Bạc Liêu		50,000,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân		18,000,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội (1)	59,983,397,157	87,665,168,392
	<u><b>59,983,397,157</b></u>	<u><b>155,665,168,392</b></u>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

(1) Bao gồm các hợp đồng tín dụng và phụ lục kèm theo với tổng số tiền cho vay là 59.983.397.157 đồng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh và hỗ trợ tín dụng cho nhà đầu tư; thời hạn vay từ 01-05 ngày kể từ ngày nhận nợ, lãi suất vay 11%, hình thức đảm bảo tiền vay quy định theo từng hợp đồng cụ thể.

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/09/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	94,147,297	56,078,706
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	644,682,736	1,940,827,124
Thuế Thu nhập cá nhân	1,923,951,388	1,554,761,752
	<u><b>2,662,781,421</b></u>	<u><b>3,551,667,582</b></u>

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/09/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải trả chi phí hoạt động kinh doanh	6,115,104	1,099,799,279
	<u><b>6,115,104</b></u>	<u><b>1,099,799,279</b></u>

**17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/09/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	32,269,400	9,516,480
Bảo hiểm xã hội	5,088,500	759,200
Bảo hiểm y tế	305,550	131,400
Bảo hiểm thất nghiệp	178,200	58,400
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	154,124,954,607	163,550,806,557
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3,534,586,400	256,000,000
Phải trả về quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của khách hàng	14,056,268,216	28,810,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29,610,479,667	12,487,760,885
	<u><b>201,364,130,540</b></u>	<u><b>176,333,842,922</b></u>

**18 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	<u>30/09/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	244,329,343	464,827,961

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2015

Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán		129,232,374		133,803,911
Phải trả tổ chức, cá nhân khác		177,816,491		386,169,829
		<b>551,378,208</b>		<b>984,801,701</b>
<b>19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU</b>				
<b>a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</b>				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/07/2014	397,000,000,000	5,973,357,884	(15,661,078,585)	387,312,279,299
Lãi trong Quý 3.2014	-	-	4,153,503,064	4,153,503,064
<b>Tại ngày 30/09/2014</b>	<b>397,000,000,000</b>	<b>5,973,357,884</b>	<b>(11,507,575,521)</b>	<b>391,465,782,363</b>
Tại ngày 01/07/2015	397,000,000,000	5,973,357,884	61,810,315	403,035,168,199
Lãi trong Quý 3.2015	-	-	2,622,767,706	2,622,767,706
<b>Tại ngày 30/09/2015</b>	<b>397,000,000,000</b>	<b>5,973,357,884</b>	<b>2,684,578,021</b>	<b>405,657,935,905</b>
<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>				
	Tỷ lệ (%)	30/09/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	42.50%	168,705,620,000	42.50%	168,705,620,000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	28.93%	114,868,530,000	28.93%	114,868,530,000
Ngân hàng TMCP An Bình	5.20%	20,650,000,000	5.20%	20,650,000,000
Ông Đào Mạnh Kháng	6.34%	25,150,000,000	6.34%	25,150,000,000
Các cổ đông khác	17.03%	67,625,850,000	17.03%	67,625,850,000
	<b>100%</b>	<b>397,000,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>397,000,000,000</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		Quý 3 năm 2015 VND	Quý 3 năm 2014 VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397,000,000,000	397,000,000,000	
- Vốn góp đầu năm		397,000,000,000	397,000,000,000	
- Vốn góp cuối năm		397,000,000,000	397,000,000,000	
<b>d) Cổ phiếu</b>		30/09/2015	01/01/2015	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		39,700,000	39,700,000	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		39,700,000	39,700,000	
- Cổ phiếu phổ thông		39,700,000	39,700,000	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		39,700,000	39,700,000	
- Cổ phiếu phổ thông		39,700,000	39,700,000	
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)		10,000	10,000	
<b>20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN</b>		Quý 3. 2015 VND	Quý 3. 2014 VND	
<b>Doanh thu</b>		<b>18,745,105,530</b>	<b>27,871,079,301</b>	
<b>Trong đó:</b>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		5,932,610,369	7,587,265,332	
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		382,265,123	1,405,581,802	
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		203,053,141	10,620,008,890	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2015

- Doanh thu hoạt động tư vấn	1,333,636,364	49,698,526
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	335,171,114	267,595,149
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	76,818,182
- Doanh thu khác	10,558,369,419	7,864,111,420
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>18,745,105,530</b>	<b>27,871,079,301</b>
<b>21 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
	<u>Quý 3. 2015</u>	<u>Quý 3. 2014</u>
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2,256,744,889	4,175,182,139
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2,897,342,670	6,465,593,592
Chi phí hoạt động tư vấn	613,545,455	93,909,091
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	429,820,155	371,240,332
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	201,405,371	-
Chi phí khác	1,160,142,318	1,061,075,839
	<u><b>7,559,000,858</b></u>	<u><b>12,167,000,993</b></u>
<b>22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
	<u>Quý 3. 2015</u>	<u>Quý 3. 2014</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3,774,484,123	3,016,103,686
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	257,260,540	178,851,418
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,173,865,790	1,198,209,984
Thuế, phí và lệ phí	9,437,784	1,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,181,964,552	1,894,556,796
Chi phí khác bằng tiền	672,417,505	4,100,710,275
	<u><b>8,069,430,294</b></u>	<u><b>10,389,432,159</b></u>
<b>23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>		
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
	<u>Quý 3.2015</u>	<u>Quý 3. 2014</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,267,450,442	5,191,878,830
Các khoản điều chỉnh tăng	19,282,166	-
- Chi phí không hợp lệ	19,282,166	-
Các khoản điều chỉnh giảm	63,318,927	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	63,318,927	-
Tổng thu nhập tính thuế	3,223,413,681	5,191,878,830
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<u><b>644,682,736</b></u>	<u><b>1,038,375,766</b></u>

(\*) Theo Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 và các văn bản thay thế hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm, kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh (Công ty đi vào hoạt động năm 2006).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2015

**24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	<u>Quý 3. 2015</u>	<u>Quý 3. 2014</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	2,622,767,706	4,153,503,064
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2,622,767,706	4,153,503,064
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	39,700,000	39,700,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>66.06</u></b>	<b><u>104.62</u></b>

**25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính để nội dung được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



---

**Quách Thị Xuân Thu**  
Người lập

---

**Phạm Thị Vân**  
Kế toán trưởng

---

**Nguyễn Thanh Hải**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2015

